

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Hòa Bình - Tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002 và thay đổi lần thứ sáu ngày 12/01/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Trương Văn Hiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/6/2015, miễn nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Phạm Văn Cung	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17/06/2015)
	Ông Phạm Văn Cung	Ủy Viên (bổ nhiệm ngày 17/6/2015, miễn nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy Viên (bổ nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Đào Quang Dũng	Ủy viên
	Ông Lương Văn Long	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 17/06/2015)
	Ông Phạm Trường Tam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 17/06/2015)
	Ông Kiều Quang Thành	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 17/6/2015)
	Ông Phạm Minh Trường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 17/6/2015)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Đào Quang Dũng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/06/2015)
	Ông Phạm Minh Trường	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/6/2015, miễn nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Vũ Tiến Hưng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Mạnh Hà (Đã ký)

Giám đốc

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Administrator 2016-03-23 17:21 ✓

Formatted: Font color: Black

Administrator 2016-03-23 17:21 ✓

Deleted: 5

Administrator 2016-03-23 17:22 ✓

Formatted: Not Highlight

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

1. Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu người đọc đến Thuyết minh số 6.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trong năm, Giá vốn của Công ty là 9.822.002.753 đồng cao hơn 4.202.302.959 đồng so với doanh thu (có giá trị 5.619.699.794 đồng) làm cho lỗ lũy kế của Công ty từ 17.719.504.885 đồng năm 2014 lên 27.367.548.973 đồng năm 2015, vượt so với vốn góp là 7.961.912.747 đồng, đồng thời luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm trong năm 2014 và 2015. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.
2. Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.8 - Tài sản cố định vô hình. Việc ghi nhận Vốn và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà với số tiền 1.800.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc (Đã ký)
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Lê Thị Thanh Vân
Kiểm toán viên (Đã ký)
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2723-2015-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.388.958.742	13.326.467.100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.990.302.535	450.121.025
1. Tiền	111		2.990.302.535	450.121.025
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.221.525.466
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	1.221.525.466
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.445.267.097	8.215.649.271
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	8.939.082.181	8.816.646.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		232.597.600	91.635.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	860.665.218	3.230.503.339
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(4.587.077.902)	(3.923.135.284)
IV. Hàng tồn kho	140		3.647.216.670	3.289.219.055
1. Hàng tồn kho	141	5.6	3.647.216.670	3.289.219.055
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		306.172.440	149.952.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	38.429.875	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.790.282	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	149.952.283	149.952.283
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.619.516.032	10.139.032.563
II. Tài sản cố định	220		917.806.860	1.621.032.563
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	137.806.860	751.032.563
- Nguyên giá	222		74.497.092.727	78.147.573.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.359.285.867)	(77.396.541.248)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	780.000.000	870.000.000
- Nguyên giá	228		1.800.000.000	1.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.020.000.000)	(930.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	701.709.172	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		701.709.172	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	8.518.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	8.518.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.008.474.774	23.465.499.663
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		4.577.045.995	4.386.026.796
I. Nợ ngắn hạn	310		4.427.045.995	4.386.026.796
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.334.306.173	2.649.611.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.810.000	1.810.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	248.721.685	292.737.277
4. Phải trả người lao động	314		111.515.000	531.786.440
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	215.440.183	72.002.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	514.091.132	806.329.123
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.161.822	31.750.004
II. Nợ dài hạn	330		150.000.000	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	150.000.000	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.431.428.779	19.079.472.867
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	9.431.428.779	19.079.472.867
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.800.000.000	19.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.800.000.000	19.800.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.365.296.322	18.365.296.322
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.367.548.973)	(17.719.504.885)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.719.504.885)	(11.952.848.062)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(9.648.044.088)	(5.766.656.823)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		14.008.474.774	23.465.499.663

Hòa Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiên Hưng

Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	5.619.699.794	10.550.668.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	5.619.699.794	10.550.668.379
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	9.822.002.753	12.560.137.036
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(4.202.302.959)	(2.009.468.657)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.412.836.609	1.854.033.307
7. Chi phí tài chính	22	5.20	1.666.010.416	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>45.000.000</i>	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	1.204.745.316	538.593.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.544.744.165	5.132.445.898
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(10.204.966.247)	(5.826.475.005)
11. Thu nhập khác	31	5.21	556.922.159	59.818.182
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	556.922.159	59.818.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(9.648.044.088)	(5.766.656.823)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(9.648.044.088)	(5.766.656.823)

Hòa Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(9.648.044.088)	(5.766.656.823)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	302.747.862	686.186.012
- Các khoản dự phòng	03	663.942.618	2.484.292.710
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.317.382.064)	(1.854.033.307)
- Chi phí lãi vay	06	45.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.953.735.672)	(4.450.211.408)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.448.235.405	4.112.920.188
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(357.997.615)	1.045.447.484
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	191.019.199	(3.468.930.421)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.429.875)	176.254.545
- Tiền lãi vay đã trả	14	(45.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.755.908.558)	(2.584.519.612)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(301.231.331)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	904.545.455	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.221.525.466	1.800.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.971.352.970	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	499.897.508	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.296.090.068	1.800.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.500.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.540.181.510	(784.519.612)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	450.121.025	1.234.640.637
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.990.302.535	450.121.025

Hòa Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Nguyễn Mạnh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp với Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 23/11/2002.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 12/01/2016.

Theo đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 12/01/2016, vốn điều lệ của Công ty là 19.800.000.000 đồng. Các cổ đông hiện tại của Công ty bao gồm:

Sở hữu vốn:

	<u>Số vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Hưng Long	10.835.000.000	55%
Vốn của cổ đông khác	8.965.000.000	45%
Tổng	19.800.000.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khác (khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng);
- Sản xuất bao bì bằng giấy (vỏ bao xi măng);
- Sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật khác (công nghiệp “vỏ bao che”);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác (nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân);

Hoạt động chính trong năm của Công ty trong năm 2015: là sản xuất, kinh doanh xi măng và vận chuyển hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định theo Quyết định số 294/TCT/HDQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/5/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ Công ty bằng giá trị thương hiệu Sông Đà và Quyết định số 85/CT/HDQT ngày 22/5/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình nêu trên được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với hoạt động sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ, các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	63.453.258	418.288.723
Tiền gửi ngân hàng	2.926.849.277	31.832.302
Tổng	2.990.302.535	450.121.025

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	1.221.525.466	1.221.525.466
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.221.525.466	1.221.525.466
Tổng	-	-	1.221.525.466	1.221.525.466

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	8.939.082.181	8.816.646.216
Công nợ xí nghiệp 12.6	1.168.536.074	1.168.536.074
Chu Ánh Tuyết	840.068.000	840.068.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	6.930.478.107	6.808.042.142
Tổng	8.939.082.181	8.816.646.216

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	860.665.218	-	3.230.503.339	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.921.200.000	-
- Phải thu người lao động	62.916.907	-	-	-
- Tạm ứng	74.307.976	-	531.886.846	-
Phải thu Cty CP ĐT PT KCN Hải Hà (*)	550.000.000	-	550.000.000	-
- Phải thu khác	173.440.335	-	227.416.493	-
Tổng	860.665.218	-	3.230.503.339	-

(*) Khoản tiền Tập đoàn Sông Đà (nay là Tổng Công ty Sông Đà) nhận ủy thác đầu tư của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà để tham gia góp vốn điều lệ đợt 1 vào Công ty CP Đầu tư Phát triển KCN Hải Hà theo Công văn số 195/TCT-TCKT ngày 20/02/2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	4.850.180.273	263.102.371	3.923.135.284	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công nợ của XN 12.6 chuyển sang	-	-	-	1.168.536.074
Chu ánh Tuyết - Phòng VTTT	-	-	-	840.068.000
Công ty TNHH TM MTV Đại Hùng Cường	-	-	-	309.316.750
Công ty CP VLXD CN Sạch Sông Đà	-	-	-	502.226.087
Các khoản khác	-	-	-	2.030.033.362

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.287.756.313	-	2.439.851.814	-
Công cụ, dụng cụ	38.134.016	-	42.594.515	-
Chi phí SX KDDD	1.205.439.492	-	717.303.734	-
Thành phẩm	115.886.849	-	89.468.992	-
Tổng	3.647.216.670	-	3.289.219.055	-

*Đơn vị tính: VND***5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2015
	VND
Ngắn hạn	38.429.875
Công cụ dụng cụ xuất dùng	38.429.875
Tổng	38.429.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Phải nộp	292.737.277	778.157.124	822.172.716	248.721.685
Thuế giá trị gia tăng	44.747.792	652.327.324	697.075.116	-
Thuế thu nhập cá nhân	343.280	-	-	343.280
Thuế tài nguyên	33.130.338	-	-	33.130.338
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	124.365.400	125.829.800	125.097.600	125.097.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467	-	-	90.150.467
Phải thu	149.952.283	-	-	149.952.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.952.283	-	-	149.952.283

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	41.998.657.801	30.849.926.113	4.025.954.306	1.273.035.591	78.147.573.811
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	2.485.454.584	1.165.026.500	3.650.481.084
Thanh lý, nhượng bán			2.485.454.584	1.165.026.500	3.650.481.084
Số dư tại 31/12/2015	41.998.657.801	30.849.926.113	1.540.499.722	108.009.091	74.497.092.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	41.838.450.211	30.849.926.113	3.859.878.488	848.286.436	77.396.541.248
Tăng trong năm	83.586.564	-	104.889.984	24.271.314	212.747.862
Khấu hao trong năm	83.586.564		104.889.984	24.271.314	212.747.862
Giảm trong năm	-	-	2.485.454.584	764.548.659	3.250.003.243
Thanh lý, nhượng bán			2.485.454.584	764.548.659	3.250.003.243
Số dư tại 31/12/2015	41.922.036.775	30.849.926.113	1.479.313.888	108.009.091	74.359.285.867
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	160.207.590	-	166.075.818	424.749.155	751.032.563
Tại 31/12/2015	76.621.026	-	61.185.834	-	137.806.860

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 73.261.343.898 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Giá trị thương hiệu	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	1.800.000.000	1.800.000.000
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.800.000.000	1.800.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	930.000.000	930.000.000
Tăng trong năm	90.000.000	90.000.000
Khấu hao trong năm	90.000.000	90.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.020.000.000	1.020.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	870.000.000	870.000.000
Tại 31/12/2015	780.000.000	780.000.000

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà, được ghi nhận này căn cứ theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/05/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/05/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/05/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà. Tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015
	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	701.709.172
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	701.709.172
Tổng	701.709.172

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	3.334.306.173	3.334.306.173	2.649.611.552	2.649.611.552
Công ty cổ phần xi măng Hạ Long	1.986.385.569	1.986.385.569	2.086.385.569	2.086.385.569
Công ty Cổ phần Sông Ngân	789.040.000	789.040.000	88.247.200	88.247.200
Công ty CP đầu tư XD và TM Thiên Nhật	319.958.000	319.958.000	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	238.922.604	238.922.604	474.978.783	474.978.783
Tổng	3.334.306.173	3.334.306.173	2.649.611.552	2.649.611.552

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	3.334.306.173	3.334.306.173	2.649.611.552	2.649.611.552
Công ty cổ phần xi măng Hạ Long	1.986.385.569	1.986.385.569	2.086.385.569	2.086.385.569
Công ty Cổ phần Sông Ngân	789.040.000	789.040.000	88.247.200	88.247.200
Công ty CP đầu tư XD và TM Thiên Nhật	319.958.000	319.958.000	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	238.922.604	238.922.604	474.978.783	474.978.783
Tổng	3.334.306.173	3.334.306.173	2.649.611.552	2.649.611.552

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	215.440.183	72.002.400
Trích trước chi phí bù cước vận chuyển	77.716.800	-
Trích trước chi phí tiêu thụ xi măng	50.985.892	24.594.900
Trích trước chi phí khuyến mại	80.849.157	47.407.500
Thuê phương tiện	5.888.334	-
Tổng	215.440.183	72.002.400

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	514.091.132	806.329.123
Kinh phí công đoàn	21.638.407	87.778.480
Bảo hiểm xã hội	99.445.816	185.932.004
Bảo hiểm y tế	9.637.089	12.211.363
Bảo hiểm thất nghiệp	2.764.374	5.334.299
Tiền lương phải trả CBCNV qua ngân hàng	256.457.477	149.937.192
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	124.147.969	365.135.785
Tổng	514.091.132	806.329.123
5.15 Dự phòng phải trả dài hạn		31/12/2015
		VND
Ngắn hạn		150.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn		150.000.000
Tổng		150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(11.952.848.062)	24.846.129.690
Lỗi	-	-	-	(5.766.656.823)	(5.766.656.823)
Số dư tại 31/12/2014	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(17.719.504.885)	19.079.472.867
Số dư tại 01/01/2015	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(17.719.504.885)	19.079.472.867
Lãi trong năm nay	-	-	-	(9.648.044.088)	(9.648.044.088)
Số dư tại 31/12/2015	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(27.367.548.973)	9.431.428.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn nhà nước	-	7.517.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long	10.835.000.000	-
Vốn của cổ đông khác	8.965.000.000	12.283.000.000
Tổng	19.800.000.000	19.800.000.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.619.699.794	10.550.668.379
Tổng	5.619.699.794	10.550.668.379

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	9.822.002.753	12.560.137.036
Tổng	9.822.002.753	12.560.137.036

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	499.897.508	17.073.307
Lãi bán các khoản đầu tư	1.912.939.101	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.836.960.000
Tổng	2.412.836.609	1.854.033.307

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2015
	VND
Lãi tiền vay	45.000.000
Hoàn nhập cổ tức thủy điện Nậm Mu đã trích năm 2014	750.000.000
Dự phòng đầu tư góp vốn vào Sông Đà - Tây Đô	850.000.000
Chi phí tài chính khác	21.010.416
Tổng	1.666.010.416

5.21 Thu nhập khác, Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	904.545.455	-
Giá trị còn lại của tài sản	(400.477.841)	-
Thanh lý nguyên vật liệu	43.604.545	59.818.182
Thu nhập khác	9.250.000	-
Tổng	556.922.159	59.818.182
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	556.922.159	59.818.182
5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí bán hàng	1.204.745.316	538.593.757
Chi phí nhân viên	11.115.210	18.415.870
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	46.008.808	58.772.908
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.889.912	194.889.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	21.741.000
Chi phí bằng tiền khác	952.731.386	244.774.067
Chi phí quản lý	5.544.744.165	5.132.445.898
Chi phí nhân viên quản lý	1.013.388.434	826.270.608
Chi phí vật liệu quản lý	17.239.781	109.189.119
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.616.304	46.656.769
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.271.386	152.629.217
Thuế phí và lệ phí	187.006.282	216.738.678
Chi phí dự phòng	663.942.618	2.664.573.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.413.197	251.868.635
Chi phí bằng tiền khác	973.673.847	864.519.394
Chuyển tiền thi hành án cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình về khoản trợ cấp thất nghiệp cho người lao động	2.360.192.316	-
Tổng	6.749.489.481	5.671.039.655

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan

		Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	223.053.685	142.967.114
Tổng		223.053.685	142.967.114

Giao dịch các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Tiền hàng	-	238.303.872

Số dư các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		1.986.385.569	2.086.385.569
Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà		-	350.000
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 1 tại Hà Nội	Tiền hàng	170.882.146	170.882.146

6.2 Hoạt động liên tục

Trong năm, Giá vốn của Công ty là 9.822.002.753 đồng cao hơn 4.202.302.959 đồng so với doanh thu (có giá trị 5.619.699.794 đồng) làm cho lỗ lũy kế của Công ty từ 17.719.504.885 đồng năm 2014 lên 27.367.548.973 đồng năm 2015, vượt so với vốn góp là 7.961.912.747 đồng, đồng thời luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm trong năm 2014 và 2015. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương	2.990.302.535	450.121.025
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.799.747.399	12.047.149.555
Đầu tư ngắn hạn	-	1.221.525.466
Đầu tư dài hạn	-	8.518.000.000
Tổng	12.790.049.934	22.236.796.046
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.848.397.305	3.455.940.675
Chi phí phải trả	215.440.183	72.002.400
Tổng	4.063.837.488	3.527.943.075

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.848.397.305	-	3.848.397.305
Chi phí phải trả	215.440.183	-	215.440.183
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
01/01/2015			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.455.940.675	-	3.455.940.675
Chi phí phải trả	72.002.400	-	72.002.400

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
31/12/2015	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.990.302.535	-	2.990.302.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.799.747.399	-	9.799.747.399
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
01/01/2015	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	450.121.025	-	450.121.025
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.047.149.555	-	12.047.149.555
Đầu tư ngắn hạn	1.221.525.466	-	1.221.525.466

6.4 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Tại ngày 01/01/2015, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính nêu trên cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT/BTC để thông tin trên Báo cáo tài chính được tính toán và trình bày nhất quán. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Số dư tại	Số dư tại	Chênh lệch
	01/01/2015	31/12/2014	VND
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	3.230.503.339	2.698.616.493	531.886.846
Tài sản ngắn hạn khác	-	531.886.846	(531.886.846)
Công thay đổi Tài sản			-
Quỹ đầu tư phát triển	18.365.296.322	16.395.567.993	1.969.728.329
Quỹ Dự phòng tài chính	-	1.969.728.329	(1.969.728.329)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			-

Hòa Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Nguyễn Mạnh Hà